

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 – 8
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022	9 – 10
5. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2022	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2022	12 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2022 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên** do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp. Mã số doanh nghiệp **4500135891**; đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 35/GCN-KDXS ngày 14 tháng 4 năm 2009.

Theo Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận, Công ty được điều chỉnh tăng vốn điều lệ thêm 25.000.000.000 Đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư Phát triển của Công ty và được phép trích lập Quỹ Đầu tư phát triển để tạo nguồn bổ sung Vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 75.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 32 Đường 16 tháng 4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (0259) 383 0155

Fax : (0259) 382 2707 - 382 2708 - 383 0380

Mã số thuế : 4500135891

Email : xosoninhthuan@ninhthuan.gov.vn

Website : www.xosoninhthuan.com.vn

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Ông Trần Minh Thanh

Kiểm soát viên

Ông Võ Ngọc Nam

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | | |
|----|-----|---------------------|----------------|
| 1. | Ông | Vũ Đức Kim | Giám đốc |
| 2. | Ông | Tăng Nguyên Nam | Phó Giám đốc |
| 3. | Ông | Võ Anh Lâm | Phó Giám đốc |
| 4. | Ông | Võ Văn Châu | Phó Giám đốc |
| 5. | Bà | Trần Thị Thanh Hiếu | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Ông Vũ Đức Kim Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2022 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 30.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo, các Báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày của Công ty.



Giám đốc - Vũ Đức Kim

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Số: 0906.01.02/2023/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2022 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận được lập ngày 01 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2022 kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0486-2023-124-1*

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4705-2019-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		113.711.977.717	93.595.732.544
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		24.178.504.713	18.138.898.568
111	1. Tiền	V.1	24.178.504.713	18.138.898.568
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		75.000.000.000	63.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	75.000.000.000	63.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.963.884.500	11.070.736.740
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	7.801.591.866	7.496.220.122
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.579.950.000	1.385.550.000
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	2.582.342.634	2.188.966.618
140	IV. Hàng tồn kho		1.557.088.504	1.016.097.236
141	1. Hàng tồn kho	V.6	1.557.088.504	1.016.097.236
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.012.500.000	370.000.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	562.500.000	-
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	V.8	450.000.000	370.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.951.292.119	5.076.768.645
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		4.777.265.208	5.073.296.421
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	4.777.265.208	5.073.296.421
222	- Nguyên giá		11.812.847.521	11.671.702.066
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.035.582.313)	(6.598.405.645)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		174.026.911	3.472.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	174.026.911	3.472.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		118.663.269.836	98.672.501.189

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		47.424.932.589	32.398.201.196
310	I. Nợ ngắn hạn		47.424.932.589	32.398.201.196
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	53.813.400	13.662.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	8.947.016.835	7.114.937.290
314	3. Phải trả người lao động	V.13	5.749.105.419	5.374.457.542
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	501.035.177	505.434.678
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	V.15	28.150.600.450	15.800.600.450
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	4.023.361.308	3.589.109.236
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		71.238.337.247	66.274.299.993
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	71.238.337.247	66.274.299.993
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.17.1	66.274.299.993	63.104.601.009
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.17.2	4.964.037.254	3.169.698.984
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.17.3	-	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		118.663.269.836	98.672.501.189

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		767.531.499	542.703.318
	2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		17.544.370.521	17.401.332.600
	3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		20.400.000.000	20.400.000.000

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Công Uyên Vi

Trần Thị Thanh Hiếu

Vũ Đức Kim

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu	VI.18	300.828.459.910	239.434.062.545
1.1	Doanh thu kinh doanh xổ số		300.824.400.001	239.426.881.818
1.1.1	Xổ số truyền thống		297.917.854.544	236.003.427.272
1.1.2	Xổ số cào		727.272.728	1.090.909.091
1.1.3	Xổ số bốc		2.179.272.729	2.332.545.455
1.2	Doanh thu khác		4.059.909	7.180.727
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.18	39.237.965.217	31.229.593.281
2.1	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		39.237.965.217	31.229.593.281
2.1.1	Xổ số truyền thống		38.858.850.592	30.783.055.732
2.1.2	Xổ số cào		94.861.660	142.292.490
2.1.3	Xổ số bốc		284.252.965	304.245.059
2.2	Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	3. Doanh thu thuần	VI.18	261.590.494.693	208.204.469.264
10.1	3.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		261.586.434.784	208.197.288.537
3.1.1	Xổ số truyền thống		259.059.003.952	205.220.371.540
3.1.2	Xổ số cào		632.411.068	948.616.601
3.1.3	Xổ số bốc		1.895.019.764	2.028.300.396
10.2	3.2 Doanh thu kinh doanh khác		4.059.909	7.180.727
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.19	225.224.702.909	178.080.626.480
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		225.224.702.909	178.080.626.480
4.1.1	Chi phí trả thưởng		148.319.256.000	125.612.348.000
4.1.2	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		76.905.446.909	52.468.278.480
11.2	4.2 Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp		36.365.791.784	30.123.842.784
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		36.361.731.875	30.116.662.057
20.2	5.2 Lợi nhuận từ HĐ bán hàng và cung cấp DV khác		4.059.909	7.180.727
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	3.422.177.752	3.078.164.114
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	19.388.270.615	20.240.391.072
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.399.698.921	12.961.615.826
31	10. Thu nhập khác	VI.22	283.789.636	245.463.273
32	11. Chi phí khác		-	-
40	12. Lợi nhuận khác		283.789.636	245.463.273
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.683.488.557	13.207.079.099
51	14. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.23	4.136.697.711	2.641.415.820
60	15. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		16.546.790.846	10.565.663.279

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Công Uyên Vi



Trần Thị Thanh Hiếu



Vũ Đức Kim

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2022

ĐVT: Đồng

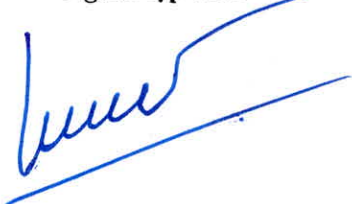
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		216.139.821.579	172.193.249.866
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(17.491.082.149)	(12.866.067.836)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(14.244.864.897)	(13.839.898.469)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(4.196.091.815)	(2.497.048.761)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.357.142.872	2.245.400.541
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(159.471.519.007)	(142.536.628.568)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		23.093.406.583	2.699.006.773
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	V.9	(141.145.455)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(70.000.000.000)	(57.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	58.000.000.000	52.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.117.933.920	2.644.903.839
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.023.211.535)	(2.355.096.161)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.12	(8.030.588.903)	(4.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.030.588.903)	(4.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.039.606.145	(3.656.089.388)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	18.138.898.568	21.794.987.956
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	24.178.504.713	18.138.898.568

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Công Uyển Vi



Trần Thị Thanh Hiếu



Vũ Đức Kim

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2022 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh : Xổ số Kiến thiết và các hoạt động vui chơi có thưởng

Cấu trúc Công ty

Công ty tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh bao gồm Trụ sở chính và các Văn phòng đại diện (VPDD) sau đây:

❖ ***VPDD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đắk Lắk***

Địa chỉ : Số 27 Trần Quang Khải, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Mã số : 4500135891-001

❖ ***VPDD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Thừa Thiên - Huế***

Địa chỉ : Số 14A Ngô Gia Tự, Phường Vĩnh Ninh, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên - Huế

Mã số : 4500135891-002

❖ ***VPDD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Đà Nẵng***

Địa chỉ : Số 02 Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Mã số : 4500135891-003

❖ ***VPDD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Bình Định***

Địa chỉ : Số 63 Ý Lan, Phường Thị Nại, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Mã số : 4500135891-004

❖ ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Phú Yên***

Địa chỉ : Số 41 Ngô Quyền, Phường 5, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Mã số : 4500135891-005

❖ ***VPĐD Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Ninh Thuận tại Khánh Hòa***

Địa chỉ : Số 164 Hoàng Văn Thụ, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số : 4500135891-006

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết.

Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư trên, Công ty thực hiện theo Luật Kế toán và các quy định kế toán hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.

Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Mức trích lập của Công ty phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập;

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

(Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam).

10. Vốn chủ sở hữu

❖ **Vốn góp của chủ sở hữu**

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ **Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

❖ **Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận của doanh nghiệp kinh doanh xổ số sau khi bù đắp lỗ năm trước, trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

- Trích 30% vào Quỹ Đầu tư phát triển;
- Trích Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho người lao động và Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

- Phần lợi nhuận còn lại được nộp về ngân sách nhà nước.

Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

(Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp).

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số; từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động tài chính;

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ căn cứ Biên bản phát hành và thu hủy vé số được lập bởi Hội đồng Giám sát xổ số Tỉnh Ninh Thuận.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- “**Doanh thu có thuế**” là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
- “**Doanh thu chưa có thuế**” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ **Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

12. Các khoản chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù (*theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số*)

13. Chi phí Thuế Thu nhập hiện hành

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**ĐVT: Đồng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	1.066.851.092	757.081.371
- Tiền gửi ngân hàng	23.111.653.621	17.381.817.197
Cộng	24.178.504.713	18.138.898.568
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000	63.000.000.000

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, trả lãi khi đáo hạn.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản tiền vé số còn phải thu của các đại lý vé số:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Lê Thị Mân	478.337.965	814.809.675
- Nguyễn Thị Hoàng Hải	444.374.643	590.783.493
- Nguyễn Thị Như Mai (TH Đà Nẵng)	478.847.500	431.859.500
- Nhóm KD Ngọc Thu	197.119.090	404.278.650
- Nguyễn Thị Vân Lan (Thống Nhất)	458.311.500	337.866.500
- Võ Đình Vinh	169.243.710	279.078.075
- Lương Thị Thu Lệ	149.638.430	267.565.780
- NKD Trần Nguyên Thảo (Kiềm - Kiệt)	262.996.560	261.983.805
- Trần Thị Lự (Độc Lập)	341.751.000	253.664.002
- Công ty TNHH Phúc Khánh Phương	326.478.000	249.042.500
- Nhóm KD Ngọc Hùng	244.533.260	216.047.568
- Phạm Thị Thanh	241.655.690	209.743.040
- Vũ Thị Minh Ánh	164.765.130	193.427.720
- HKD Đào Thị Hạnh (Đắc Lắc)	267.759.930	126.621.775
- Công ty TNHH Thân Thị (Quảng Nam)	207.750.500	140.789.500

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

- Công ty TNHH MTV Triều Gia (Nhận)	205.292.000	174.794.000
- Phạm Nguyễn Bảo Thịnh	202.046.015	167.105.085
- Công ty TNHH MTV Vé số Sơn Trà	234.634.400	164.706.400
- Trương Thị Thanh Thuận (Hoài)	182.103.160	151.587.875
- Các đối tượng khác	2.543.953.383	2.060.465.179
Cộng	7.801.591.866	7.496.220.122

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH MTV In nhân dân Bình Định	1.555.200.000	1.360.800.000
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - CN tại TP.HCM	24.750.000	24.750.000
Cộng	1.579.950.000	1.385.550.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.937.463.011	1.633.219.179
- Thu hộ thuế TNCN của CB CNV	466.879.514	453.723.260
- Các đối tượng khác	178.000.109	102.024.179
Cộng	2.582.342.634	2.188.966.618

6. Hàng tồn kho

- Hàng gửi đi bán	472.119.870	313.533.260
- Công cụ, dụng cụ	454.211.504	-
- Vé xổ số (Truyền thống)	281.957.130	218.885.940
- Vé xổ số cào	19.800.000	49.500.000
- Vé xổ số bốc	329.000.000	434.178.036
Cộng	1.557.088.504	1.016.097.236

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

562.500.000

-

Chi phí bảo hiểm nhân thọ trong năm 2023 cho nhân viên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

8. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tạm ứng cho người lao động trong Công ty:

- Hàng Trừu Thông	100.000.000	100.000.000
- Nguyễn Hoàng Anh Tiến	100.000.000	70.000.000
- Trần Trung Dũng	70.000.000	50.000.000
- Lê Minh Nghiêm	50.000.000	70.000.000
- Phạm Đình Thành	30.000.000	30.000.000
- Trần Đăng Ninh	30.000.000	30.000.000
- Trần Đình Cảnh	25.000.000	-
- Các đối tượng khác	45.000.000	20.000.000
Cộng	450.000.000	370.000.000

9. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
- Số đầu năm	7.062.783.883	4.119.089.637	489.828.546	11.671.702.066
- Tăng trong năm	-	-	141.145.455	141.145.455
- Số cuối năm	7.062.783.883	4.119.089.637	630.974.001	11.812.847.521
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	2.777.985.620	3.349.136.932	471.283.093	6.598.405.645
- Khấu hao trong năm	176.569.598	248.185.964	12.421.106	437.176.668
- Số cuối năm	2.954.555.218	3.597.322.896	483.704.199	7.035.582.313
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	4.284.798.263	769.952.705	18.545.453	5.073.296.421
- Tại ngày cuối năm	4.108.228.665	521.766.741	147.269.802	4.777.265.208
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng				
- Tại ngày đầu năm	-	2.388.091.818	420.283.091	2.808.374.909
- Tại ngày cuối năm	-	3.025.749.090	420.283.091	3.446.032.181

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian phân bổ từ 18 tháng đến 36 tháng.

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	3.472.224	84.885.524
- Tăng trong năm	224.828.181	-
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(54.273.494)	(81.413.300)
- Số cuối kỳ	174.026.911	3.472.224

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản trả trước tiền mua vé cào của các đại lý:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Vé số Trục Huệ	30.305.400	-
- HKD Đình Nghĩa (Trần Nguyễn Quốc Khánh)	23.508.000	-
- Trần Thanh Liêm	-	13.662.000
Cộng	53.813.400	13.662.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	2.126.388.927	29.072.213.493	28.467.520.353	2.731.082.067
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	2.866.484.585	39.237.965.217	38.393.620.553	3.710.829.249
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	481.415.820	4.136.697.711	4.196.091.815	422.021.716
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.170.059.055	9.589.870.810	9.601.564.473	1.158.365.392
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	104.846.016	104.846.016	-
- Lệ phí môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	470.588.903	8.484.718.411	8.030.588.903	924.718.411
Cộng	7.114.937.290	90.634.311.658	88.802.232.113	8.947.016.835

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

❖ Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

❖ Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

❖ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

❖ Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 33/KL/HĐ-TĐ ngày 10/10/2012 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích đất thuê : 1.353,9 m²

Mục đích thuê : Làm trụ sở văn phòng Công ty

Thời gian sử dụng : 30 năm từ ngày 07/8/1999

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

Đơn giá thuê : 106.480 Đồng/m²/năm theo Thông báo số 2458/TB-CT ngày 11/5/2021 của Cục thuế tỉnh Ninh Thuận. Đơn giá thuê ổn định trong 5 năm (từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2025).

❖ Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

❖ Các khoản thuế khác thu hộ

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

❖ Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

	Số cuối năm	Số đầu năm
13. Phải trả người lao động	5.749.105.419	5.374.457.542

Các khoản thu nhập còn phải trả cho người lao động trong Công ty.

Quỹ lương của Công ty được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý trong công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công ty đang thực hiện các thủ tục trình cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện theo quy định của pháp luật.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hội đồng thường trực Miền Trung	424.185.323	486.334.678
- Thẻ chấp đại lý	69.750.000	15.000.000
- Hỗ trợ hợp tác	4.100.000	4.100.000
- Phải trả khác	2.999.854	-
Cộng	501.035.177	505.434.678

15. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	15.800.600.450	15.800.600.450
- Trích trong năm	12.350.000.000	-
- Số cuối năm	28.150.600.450	15.800.600.450

16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Tăng khác	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	1.644.906.365	1.362.174.212	57.680.000	1.177.880.000	1.886.880.577
- Quỹ Phúc lợi	1.487.871.774	1.362.174.211	-	1.221.248.872	1.628.797.113
- Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	456.331.097	373.686.758	-	322.334.237	507.683.618
Cộng	3.589.109.236	3.098.035.181	57.680.000	2.721.463.109	4.023.361.308

(*) Khoản tạm trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (thuyết minh số V.17.3).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

17. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	Năm trước				
17.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.352.506.082	2.752.094.927	-	63.104.601.009
17.2	Quỹ Đầu tư phát triển	2.752.094.927	3.169.698.984	2.752.094.927	3.169.698.984
17.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	10.565.663.279	10.565.663.279	-
	Cộng	63.104.601.009	16.487.457.190	13.317.758.206	66.274.299.993
	Năm nay				
17.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	63.104.601.009	3.169.698.984	-	66.274.299.993
17.2	Quỹ Đầu tư phát triển	3.169.698.984	4.964.037.254	3.169.698.984	4.964.037.254
17.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	16.546.790.846	16.546.790.846	-
	Cộng	66.274.299.993	24.680.527.084	19.716.489.830	71.238.337.247

17.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, công ty bổ sung vốn điều lệ 3.169.698.984 Đồng từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển theo Quyết định số 102/QĐ-XSKT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt bổ sung vốn điều lệ từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển năm 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết Ninh Thuận (căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết Ninh Thuận)

17.2. Quỹ Đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	3.169.698.984	2.752.094.927
- Bổ sung từ lợi nhuận sau thuế	4.964.037.254	3.169.698.984
- Chuyển bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu	(3.169.698.984)	(2.752.094.927)
- Số cuối năm	4.964.037.254	3.169.698.984

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

17.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

-	Lợi nhuận sau thuế năm nay	16.546.790.846	10.565.663.279
-	Phân phối lợi nhuận năm nay	(16.546.790.846)	(10.565.663.279)
+	Quỹ đầu tư phát triển	(4.964.037.254)	(3.169.698.984)
+	Trích Quỹ Khen thưởng cho Người quản lý	(373.686.758)	(358.149.152)
+	Trích Quỹ Khen thưởng	(1.362.174.212)	(1.283.613.120)
+	Trích Quỹ Phúc lợi	(1.362.174.211)	(1.283.613.120)
+	Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(8.484.718.411)	(4.470.588.903)
-	Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	-	-

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, số liệu này sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt chính thức của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

	Năm nay	Năm trước
18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	300.828.459.910	239.434.062.545
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	239.426.881.818
*	Xổ số truyền thống	236.003.427.272
*	Xổ số cào	1.090.909.091
*	Xổ số bốc	2.332.545.455
+	Doanh thu kinh doanh khác	7.180.727
- Các khoản giảm trừ doanh thu	39.237.965.217	31.229.593.281
+	Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.229.593.281
*	Xổ số truyền thống	30.783.055.732
*	Xổ số cào	142.292.490
*	Xổ số bốc	304.245.059
- Doanh thu thuần	261.590.494.693	208.204.469.264
Trong đó:		
+	Doanh thu kinh doanh xổ số	208.197.288.537
+	Doanh thu kinh doanh khác	7.180.727

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NINH THUẬN
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2022

19. Chi phí kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí trả thưởng	148.319.256.000	125.612.348.000
+ Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	146.484.600.000	123.546.200.000
+ Chi phí trả thưởng xổ số cào	427.618.000	610.508.000
+ Chi phí trả thưởng xổ số bốc	1.407.038.000	1.455.640.000
- Chi phí trực tiếp phát hành	76.905.446.909	52.468.278.480
+ Chi phí cho các đại lý	49.763.696.420	39.607.053.960
Trong đó:		
* Chi phí hoa hồng đại lý	49.636.026.000	39.505.435.500
* Chi phí ủy quyền trả thưởng	127.670.420	101.618.460
+ Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	733.250.000	564.600.000
+ Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	12.350.000.000	-
+ Chi phí về vé xổ số	6.309.317.236	5.741.759.600
+ Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	85.734.290	136.921.314
+ Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực	53.000.000	53.000.000
+ Chi phí nhân viên	4.330.519.939	4.037.344.038
+ Chi phí trực tiếp phát hành khác	3.279.929.024	2.327.599.568
Tổng cộng	225.224.702.909	178.080.626.480
20. Doanh thu hoạt động tài chính	3.422.177.752	3.078.164.114

Lãi tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIỆT NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	11.116.286.744	10.656.158.096
- Chi phí vật liệu quản lý	186.316.235	43.940.374
- Chi phí đồ dùng văn phòng	170.239.145	128.659.548
- Chi phí khấu hao TSCĐ	437.176.668	464.656.522
- Thuế, phí và lệ phí	113.846.016	155.424.827
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.448.284	240.813.584
- Chi phí bằng tiền khác	7.115.957.523	8.550.738.121
Cộng	19.388.270.615	20.240.391.072

22. Thu nhập khác

- Doanh thu thanh lý vé số hủy và cùi vé	283.459.636	245.463.273
- Thu nhập khác	330.000	-
Cộng	283.789.636	245.463.273

23. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.683.488.557	13.207.079.099
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	20.683.488.557	13.207.079.099
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.136.697.711	2.641.415.820

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty đang thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng theo đất số 33/KL/HĐ-TĐ ngày 10/10/2012 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Ninh Thuận làm đại diện, tại địa điểm số 32 Đường 16 tháng 4, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Thời gian thuê là 30 năm (từ ngày 07 tháng 8 năm 1999) theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Thống kê thu nhập các thành viên chủ chốt trong năm

Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Người quản lý Công ty trong năm là: 2.946.249.651 Đồng.

Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Kiểm soát viên trong năm là: 458.106.215 Đồng.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2022 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 sau đây:

- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; và Nghị định 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.
- Nghị định 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2022.
- Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
- Nghị định 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN

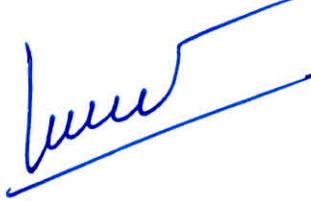
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2022

- Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu



Lê Công Uyển Vi

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hiếu

Giám đốc



Vũ Đức Kim